

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KKT ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khu gia công tổng hợp tại KCN Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh; Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 2147883660 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 09/6/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08/7/2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6239/TTr-STNMT ngày 31/12/2024 và Văn bản số 366/STNMT-MT ngày 23/01/2025 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh tại Văn bản số 61/CV-MT ngày 15/12/2023 kèm hồ sơ liên quan; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 373/STNMT-MT ngày 23/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 60/CV-MT ngày 10/12/2024 của Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh (Địa chỉ tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy "Khu gia công tổng hợp - Hạng mục: Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 1) tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh" với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Khu gia công tổng hợp - Hạng mục: Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại Lô C2, Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3002033359 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 16/6/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 19/6/2019.

1.4. Mã số thuế: 3002033359.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; gia công cơ khí, xử lý và phủ tráng kim loại,...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Nhà máy:

a) Phạm vi, quy mô:

Nhà máy Khu gia công tổng hợp tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh xây dựng trên diện tích 31.899 m<sup>2</sup>, bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính đã xây dựng (diện tích 5.855,8m<sup>2</sup>), gồm: Nhà điều hành; Nhà tổng hợp; Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 1).

- Hạng mục công trình phụ trợ đã xây dựng (diện tích 18.312,7m<sup>2</sup>), gồm: Nhà trực bảo vệ; Khu vực tập kết vật liệu; Bể chứa nước sạch và PCCC; Nhà trạm điện; Khu vực vệ sinh; Nhà để xe; Bãi tập kết xe chở hàng; sân, đường giao thông nội bộ; Cây xanh, thảm cỏ,...

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng (diện tích 80,5m<sup>2</sup>), gồm: Hệ thống xử lý nước thải; Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt; Kho lưu trữ chất thải nguy hại,...

- Hạng mục công trình chưa xây dựng (diện tích 7.650m<sup>2</sup>), gồm: Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 2); Nhà xưởng số 2.

b) Công suất hoạt động của Nhà máy: Gia công và xử lý bề mặt các sản phẩm cơ khí với công suất khoảng 1.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh (đơn vị đề xuất), UBND thị xã Kỳ Anh (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 135/QĐ-STNMT ngày 12/01/2024 của Giám

độc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh sau khi được cấp Giấy phép môi trường:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy “Khu gia công tổng hợp - Hạng mục: Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 1) tại Khu công nghiệp Vũng Áng I, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Công ty TNHH Công trình CK&ĐK Hữu Sinh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Bái Hà**

**Phụ lục số 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / / của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (do nguồn phát sinh nước thải của cơ sở là nước thải sinh hoạt, lưu lượng xả nước thải lớn nhất là  $4,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (nhỏ hơn  $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$  theo quy định)).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

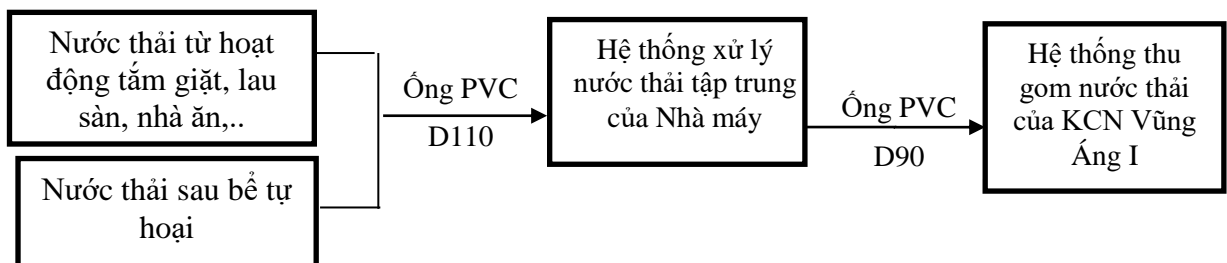
**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 02 bể tự hoại để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí (01 bể đặt phía sau nhà điều hành, thể tích  $12 \text{ m}^3$ ; 01 bể đặt phía sau nhà tổng hợp, thể tích  $9 \text{ m}^3$ ). Nước thải sau bể tự hoại cùng với nước thải từ hoạt động tắm giặt, lau sàn, nhà ăn,... được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110mm (đài 41,5m) dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy được dẫn bằng đường ống PVC D90mm (đài 1,5m) vào cống thoát nước thải BTCT D300 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vũng Áng I.

Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải như sau:



**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

**(1) Xử lý sơ bộ:**

Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được dẫn vào 02 bể tự hoại đặt ngầm để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Nước thải sau các bể tự

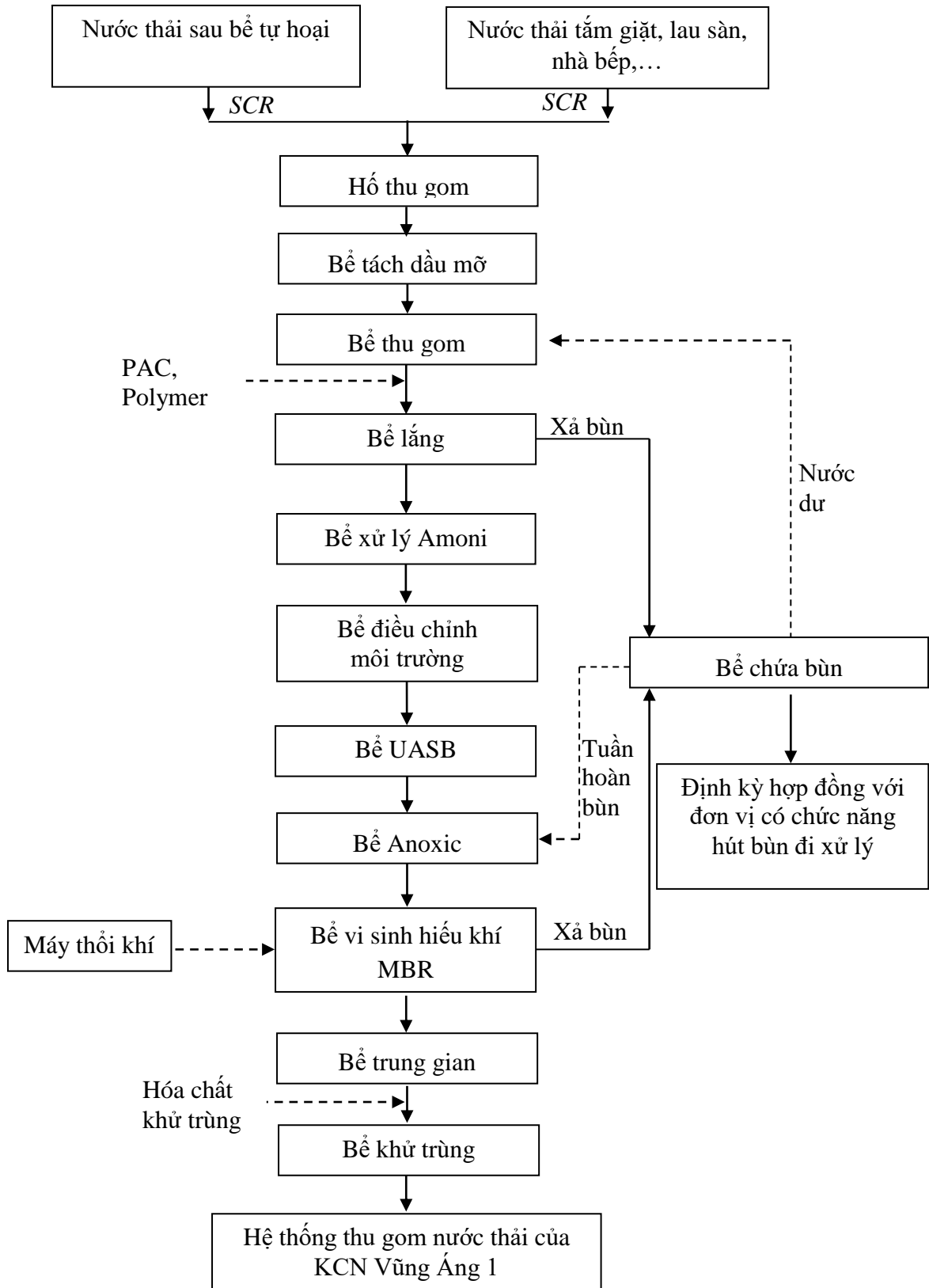
hoại sẽ cùng với nước rửa chân tay, nấu ăn,... được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để tiếp tục được xử lý. Kích thước của các bể tự hoại đã xây dựng tại nhà máy như sau:

+ Bể tự hoại 01 (đặt phía sau nhà điều hành): 4,0m x 2,0m x 1,5m.

+ Bể tự hoại 02 (đặt phía sau nhà tổng hợp): 3,0m x 2m x 1,5m.

## (2) Hệ thống xử lý nước thải:

\* Tóm tắt sơ đồ, quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



\* Thuyết minh quy trình công nghệ:

+ Bể tách dầu, mỡ: Nước thải sinh hoạt được dẫn qua song chắn rác để giữ lại các tạp chất có kích thước lớn sau đó được dẫn vào bể tách dầu mỡ. Bể tách dầu mỡ có nhiệm vụ chính là tách lớp dầu mỡ ra khỏi nước thải trước khi đi vào bể gom.

+ Bể gom nước thải: Nước thải từ bể tách dầu mỡ được dẫn vào bể gom. Bể gom có chức năng tập trung toàn bộ nước thải phát sinh và ổn định lưu lượng nước thải đầu vào. Ngoài ra, đây cũng là bể dự phòng lưu giữ nước thải khi hệ thống xử lý gặp sự cố.

+ Bể lắng: Nước thải được châm hóa chất trợ lắng PAC, Polymer trên đường ống dẫn sang bể lắng. Tại đây, nước thải tiếp tục được thực hiện quá trình lắng tách nước và bùn; quá trình lắng bùn được thực hiện bởi trọng lực xuống đáy bể đáy phần nước trong lên mặt bề tràn qua bể xử lý Amoni. Phần bùn, cặn lắng ở bể lắng được bơm dẫn về bể chứa bùn và định kỳ thuê đơn vị chức năng hút đi xử lý.

+ Bể xử lý amoni: Tại bể xử lý amoni dưới tác dụng của các chủng vi sinh kỵ khí giúp xử lý amoni sơ bộ, sau đó nước thải tự chảy qua bể điều chỉnh môi trường.

+ Bể điều chỉnh môi trường: Tại đây nước thải được điều chỉnh pH đảm bảo duy trì ở mức 6,0 - 7,0 để đảm bảo hiệu quả cho quá trình xử lý tiếp theo.

+ Bể UASB: Nước thải được bơm vào đáy bể UASB, tại đây các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ ở dạng đơn giản và khí Biogas ( $\text{CO}_2$ ,  $\text{CH}_4$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{NH}_3$ ...).

+ Bể Anoxic: Nước thải được dẫn sang bể Anoxic để khử nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) thành nitơ ( $\text{N}_2$ ) giải phóng theo không khí và tiếp tục khử các hợp chất hữu cơ, làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải.

+ Bể vi sinh hiếu khí MBR: Nước thải chảy vào bể vi sinh hiếu khí MBR, tại bể lắp đặt hệ thống phân phối khí và được thổi liên tục bằng máy thổi khí; sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải. Tại bể hiếu khí MBR bố trí 01 bơm bùn nhằm tuần hoàn bùn về bể thiếu khí, một lượng bùn dư sẽ xả định kỳ về bể chứa bùn.

+ Bể trung gian: Nước thải tiếp tục dẫn về bể trung gian, bể có nhiệm vụ chứa nước thải sau bơm hút màng và cung cấp nước sạch cho bơm rửa màng hoạt động định kỳ rửa màng MBR.

+ Bể khử trùng: Nước thải sau khi qua bể trung gian tự chảy vào bể khử trùng. Tại đây, nước thải sẽ được khử trùng bằng Chlorine trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vũng Áng I.

+ Bể chứa bùn: Bùn thải được gom về bể chứa bùn. Bể này được thiết kế làm 2 ngăn: Ngăn lắng và ngăn chứa nước bùn. Trong ngăn lắng thường chứa lượng bùn thải đầu vào và lắng xuống. Phần nước bùn nhẹ hơn nổi lên trên và chảy sang ngăn chứa nước thu bùn, rồi chảy ngược về bể thu gom để xử lý. Phần bùn lắng thải, một phần được tuần hoàn lại bể hiếu khí MBR; một phần bùn dư được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy được xây dựng bằng kết cấu BTCT, nửa chìm nửa nổi, kích thước của các bể như sau:

STT	Tên bể	Kích thước	Thể tích (m <sup>3</sup> )
1	Bể tách dầu	(2,67x1,5x2,5)m	10,01
2	Bể gom	(2,67x3,0x2,5)m	10,02
3	Bể lắng	(2,67x2,67x2,5)m	17,82
4	Bể xử lý Amoni	(2,67x0,755x2,5)m	5,04
5	Bể điều chỉnh môi trường	(2,67x0,755x2,5)m	5,04
6	Bể UASB	(1,39x1,225x2,5)m	4,25
7	Bể Anoxic	(2,67x1,0x2,5)m	6,67
8	Bể vi sinh hiếu khí	(2,67x2,5x2,5)m	16,68
9	Bể trung gian	(1,225x1,09x2,5)m	3,34
10	Bể khử trùng	(1,225x1,09x2,5)m	3,34
11	Bể chứa bùn	(2,4x1,225x2,5)m	7,35

\* Công suất thiết kế của HTXLNT tập trung: Tối đa 15m<sup>3</sup>/ngày đêm.

\* Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hóa chất trợ lắng: PAC: 50g/m<sup>3</sup> nước thải; Polymer: 0,005g/m<sup>3</sup> nước thải.

+ Hóa chất khử trùng Chlorine: 3g/m<sup>3</sup> nước thải.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Các biện pháp phòng ngừa:

Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra; kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các công trình trong hệ thống xử lý nước thải.

- Các biện pháp ứng phó:

+ Khi sự cố xảy ra tiến hành đóng van xả thải sau xử lý.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại. Trường hợp chưa khắc phục được thì phải dừng hoạt động sản xuất để xử lý xong sự cố.

+ Xử lý quay vòng nước thải đến khi xử lý đạt yêu cầu theo thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý vận hành Trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Vũng Áng 1 (Biên bản thỏa thuận đầu nối, ngày 07/6/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh, Văn bản số 93/TT-HT-DV ngày 22/12/2023 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh).

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo chất lượng nước thải của Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vũng Áng I phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN

14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2 (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối, ngày 07/6/2023 giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh và Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh; Văn bản số 93/TT-HT-DV ngày 22/12/2023 của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Cung ứng dịch vụ KKT tỉnh.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải;

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục số 02**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 20...  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực máy cắt CNC;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực máy phun bi;
- Nguồn số 03: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn dậm;
- Nguồn số 04: Khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào và từ các máy móc, dây chuyền hoạt động khác tại Nhà máy;
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và mương thoát nước mưa, nước thải;
- Nguồn số 06: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Đối với khí thải, mùi hôi phát sinh từ các nguồn (số 03, 04, 05, 06): là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không thể xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả khí thải.

2.2. Đối với bụi khí thải phát sinh từ các nguồn (số 01, nguồn 02):

**2.2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Bụi, khí thải từ máy cắt CNC (nguồn số 01): Vị trí xả thải tại 01 ống thoát khí, có tọa độ: X(m): 1997 563; Y(m): 0591 625 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

- Bụi, khí thải từ máy phun bi: Vị trí xả thải tại 02 ống thoát khí:

+ Ống thoát khí 1 có tọa độ: X(m): 1997 506; Y(m): 0591 656 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

+ Ống thoát khí 2 có tọa độ: X(m): 1997 497; Y(m): 0591 653 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng các nguồn khí thải tại Nhà máy là: 49.000 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó:

- Khí thải từ máy cắt CNC: Lưu lượng tối đa là 45.000 m<sup>3</sup>/giờ (gồm 01 quạt hút với lưu lượng hút của quạt là 45.000m<sup>3</sup>/giờ).

- Khí thải từ máy phun bi: Lưu lượng tối đa là 4.000m<sup>3</sup>/giờ (gồm 02 quạt hút với lưu lượng hút của mỗi quạt là 2.000m<sup>3</sup>/giờ).

2.2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút.

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp = 0,9, Kv = 1,0)	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	≤ 50

**Ghi chú:** Thời điểm áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp kể từ ngày 01/01/2032 (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Khuyến khích Công ty TNHH Công trình cơ khí và Điều khiển Hữu Sinh áp dụng các quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/7/2025) (theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom bụi từ các nguồn phát sinh bụi để đưa về hệ thống xử lý bụi:

#### *1.1.1. Đối với công trình thu gom bụi từ quá trình cắt CNC:*

Bụi kim loại, mặt sắt từ quá trình cắt CNC được hút vào hệ thống thu bụi bố trí bên dưới bàn cắt CNC. Bụi được dẫn qua đường ống thép (kích thước D600mm, dài 7,5m) vào hệ thống lọc rũ bụi khí nén bằng 01 quạt hút công suất 45.000m<sup>3</sup>/h.

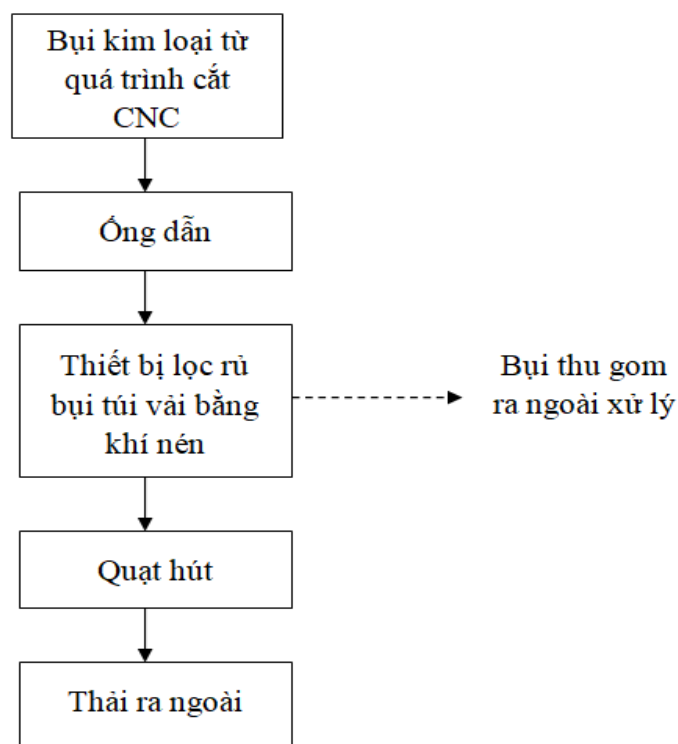
#### *1.1.2. Đối với công trình thu gom bụi từ quá trình phun bi:*

Bụi kim loại từ quá trình phun bi được hút vào 02 đường ống thép (kích thước D250mm, dài 2,5m) dẫn qua 02 hệ thống lọc rũ bụi khí nén bằng 02 quạt hút, mỗi quạt có công suất 2.000m<sup>3</sup>/h.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi:**

#### *1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ quá trình cắt CNC:*

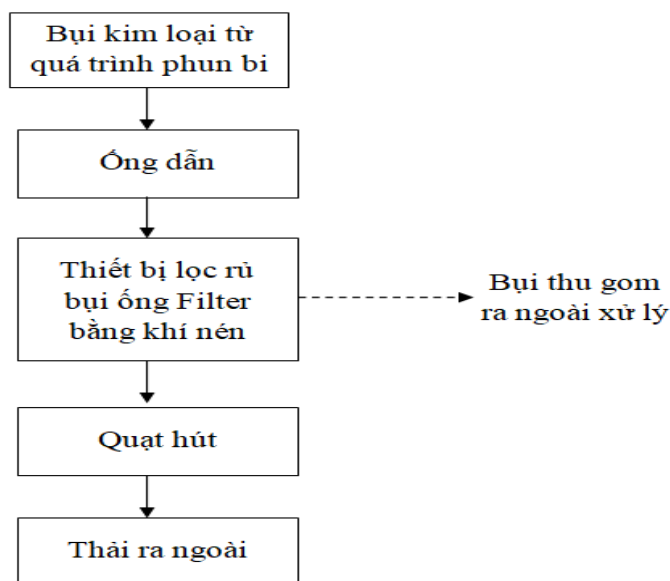
- Quy trình công nghệ: Bụi kim loại, mặt sắt từ quá trình cắt CNC được thu gom và dẫn vào hệ thống lọc rũ bụi khí nén. Hệ thống lọc rũ bụi có kích thước (DxRxH=6,89x2,7x10,4m), bên trong được bố trí 26 túi vải lọc bụi. Dưới tác dụng của quạt hút, dòng khí và bụi được đưa qua thiết bị lọc túi vải, không khí lẫn bụi đi qua các túi vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm. Bụi từ quá trình cắt CNC sẽ được giữ lại trên các túi vải lọc bụi và rơi xuống bồn chứa nhờ khí nén và motor rung rũ bụi. Khí thải sạch sau khi được lọc bụi sẽ dẫn ra ngoài bằng 01 ống thoát khí (vật liệu inox 304 dày 3mm, D600mm, cao 6,2m).



- Công suất thiết kế hệ thống xử lý bụi từ quá trình cắt CNC: 45.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ quá trình phun bi:

- Quy trình công nghệ: Bụi kim loại từ quá trình phun bi được thu gom và dẫn vào 02 hệ thống lọc rũ bụi khí nén, mỗi hệ thống lọc có kích thước (DxRxH=0,5x0,5x2,6m), bên trong mỗi hệ thống bố trí 05 ống lọc Filter. Bụi sẽ được giữ lại trên các Filter lọc bụi và rơi xuống bồn chứa nhờ khí nén và motor rung rũ bụi. Khí thải sạch sau khi được lọc bụi sẽ dẫn ra ngoài bằng 02 ống thoát khí (vật liệu inox 304 dày 3mm, D250mm, cao 5m).



- Công suất thiết kế hệ thống xử lý bụi từ quá trình phun bi: Tổng công suất của 02 hệ thống là 4.000 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó công suất mỗi hệ thống là 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.2.3. Các biện pháp giảm thiểu khác:

- Trang bị mặt nạ, kính mắt, găng tay, quần áo bảo hộ, ủng... cho công nhân khi làm việc.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh nhà xưởng, sân đường nội bộ để giảm thiểu bụi phát tán.

- Tưới ẩm đoạn đường ra vào và đường nội bộ của cơ sở để hạn chế bụi do các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và sản phẩm ra vào Nhà máy.

- Giải pháp trồng cây xanh vừa giảm thiểu tác động ô nhiễm bụi, khí thải ảnh hưởng tới khu vực xung quanh, vừa góp phần làm tăng vẻ đẹp cảnh quan khu vực vừa là bức tường chắn bụi tự nhiên và giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas và trường hợp cần thiết sẽ phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi.

- Vệ sinh khu vực nhà ăn, công trình vệ sinh thường xuyên.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- *Các biện pháp phòng ngừa:*

+ Thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động của hệ thống thu gom xử lý bụi tại nhà máy, phát hiện và kịp thời báo cáo, khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

+ Thường xuyên cho bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom xử lý bụi để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

+ Mua sắm, trang bị các thiết bị dự phòng như ống lọc Filter, túi lọc bụi... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra đối với hệ thống.

+ Vận hành các hệ thống xử lý theo đúng thiết kế, quy trình và ghi nhận ký vận hành đầy đủ.

- *Các biện pháp ứng phó:*

Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý khí thải hoạt động trở lại. Trường hợp chưa khắc phục được thì phải dừng các công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải phải được xử lý để khắc phục sự cố xảy ra và chỉ vận hành lại các công đoạn phát sinh khí thải khi hệ thống được khắc phục hoàn toàn.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/02/2025 đến ngày 15/05/2025.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý bụi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại ống thoát khí của máy cắt CNC, tọa độ: X(m): 1997563; Y(m): 591625 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tại ống thoát khí của máy phun bi:

+ Ống thoát khí 1, tọa độ: X(m): 1997506; Y(m): 591656. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

+ Ống thoát khí 2, tọa độ: X(m): 1997497; Y(m): 591653. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.4 phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 4/2025) của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý bụi.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Nhà máy theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

3.2. Thu gom, xử lý bụi phát sinh từ máy cắt CNC và máy phun bi đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xả khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của Nhà máy gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục số 03**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /20 .. của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Nhà máy chủ yếu từ hoạt động của các máy móc trong quá trình gia công cơ khí, phương tiện giao thông ra vào nhà máy, máy phát điện dự phòng,....

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ Tại khu vực gia công cơ khí: Có tọa độ: X(m): 1997555; Y(m): 591634 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

+ Máy phát điện dự phòng: Có tọa độ: X(m): 1997 650; Y(m): 0591 760 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Ngoài ra vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các máy móc trong quá trình sản xuất, phương tiện giao thông ra vào nhà máy,...

**3. Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

*a. Tiếng ồn*

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

*b. Độ rung*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn;

- Lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung đối với các thiết bị gây rung có công suất lớn;

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn phát ra tại các khu vực Nhà máy.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao được trang

bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Các máy móc hoạt động tại nhà máy phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.

- Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực hành chính, nhà nghỉ công nhân và lắp đặt thiết bị chống ồn, rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.

- Sử dụng máy phát điện có vỏ chống ồn và bộ giảm thanh, xây dựng các khu nhà đặt máy phát điện riêng biệt, cách xa khu văn phòng, khu nhà nghỉ ca và lắp đặt các tấm đệm cao su ở các chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.

- Tăng cường hệ thống cây xanh quanh hàng rào Nhà máy và ngăn cách giữa các khu chức năng trong khuôn viên Nhà máy theo đúng quy hoạch được duyệt nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ Nhà máy và giảm ô nhiễm môi trường không khí.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục số 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /20... của UBND tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, phát sinh:

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	1,5	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	3,2	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	3,0	17 02 03
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	KS	12,5	18 01 03
5	Pin, ắc quy thải	NH	1,0	16 01 12
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	KS	2,0	08 02 04
7	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	KS	5,0	08 01 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>28,2</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bao bì, vỏ hộp đựng các nguyên liệu, thành phẩm: Khoảng 15kg/ngày.
- Phôi sắt, tôn, thép, đinh, vít,... bị hỏng: Khoảng 10kg/ngày.
- Gỉ, mặt sắt kim loại trong quá trình phun bi, cắt CNC: Khoảng 20kg/ngày.
- Bùn thải từ bể tự hoại: Khoảng 6,75m<sup>3</sup>/lần (tính định kỳ 02 năm/lần nạo vét).
- Bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải: Khoảng 1,9 kg/ngày.



- Bùn thải từ nạo vét các hố ga, hệ thống mương thoát nước: Khối lượng khoảng  $1,0\text{m}^3$ /lần nạo vét (tần suất nạo vét 06 tháng/lần).

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên, bao gồm: bao nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, chai lon, rau củ quả, thức ăn dư thừa...; khoảng 22kg/ngày.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CNCNPKS (dung tích khoảng 100lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong Kho lưu giữ CTNH.

### 2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Diện tích  $8\text{m}^2$ , kết cấu vách được gia cố bằng tường xây, có mái che, mặt sàn bằng bê tông đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### 2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bao bì, vỏ hộp đựng các nguyên liệu, thành phẩm; gi, mặt sắt từ quá trình phun bi, cắt CNC được tập kết ở khu sản xuất, định kỳ bán phế liệu.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn thải từ bể tự hoại: hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ nạo vét các hố ga, hệ thống mương thoát nước mặt: sử dụng bồi đắp trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: Bố trí 03 thùng (loại thể tích 30 lít/thùng) tại các phòng làm việc hành chính; 03 thùng (loại thể tích 30 lít/thùng) tại sảnh cầu thang; 03 thùng (loại thể tích 30 lít/thùng) tại các phòng vệ sinh; 03 thùng (loại thể tích 100 lít/thùng) tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt. Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau nhằm phân loại rác tại nguồn bao gồm: Chất thải rắn tái chế, chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích  $5,0\text{m}^2$ , mái che lợp tôn, nền bằng bê tông.

#### 2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại (như các lon đựng nước giải khát,...) định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải rắn thực phẩm hỏng và chất thải rắn sinh hoạt khác được phân loại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh thẩm duyệt, nghiệm thu theo quy định.

### **2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt**

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống nhà cửa, công trình công cộng, cây xanh, cột đèn; chặt cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện đề phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

### **3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:**

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Lập nội quy an toàn lao động, tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động và tập huấn cho toàn bộ công nhân làm việc theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Người lao động phải được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân như găng tay, mũ, ủng bảo hộ, bông nút tai,... theo công việc phân công.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại xưởng. Trang bị đầy đủ cơ sở thuốc và dụng cụ y tế cần thiết, tổ chức tập huấn sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về máy móc thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm và chế độ lao động theo đúng luật lao động và Luật bảo hiểm quy định cho cán bộ công nhân làm việc tại xưởng.

### **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:**

Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục số 05**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /20.... của UBND tỉnh)

**A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO  
QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

1. Các hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tiếp tục thực hiện theo nội dung phê duyệt trong Quyết định số 08/QĐ-KKT ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khu gia công tổng hợp tại KCN Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh sau khi được cấp Giấy phép môi trường này. Cụ thể:

TT	Công trình	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng công trình
1	Nhà xưởng số 1 (giai đoạn 2)	5	4.500	Chưa xây dựng
2	Nhà xưởng số 2	6	3.150	Chưa xây dựng

2. Sau khi hoàn thành lắp đặt các hạng mục, công trình nêu trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh để được xem xét cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm theo đúng quy định của pháp luật.

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Giai đoạn xây dựng bổ sung các hạng mục nêu tại mục A phụ lục này: Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, ...) theo Quyết định số 08/QĐ-KKT ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khu gia công tổng hợp tại KCN Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh và quy định của pháp luật hiện hành bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, về quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý bụi và khí thải; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình sản xuất theo đúng nội dung

trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt theo Giấy phép này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**